

Số: 171/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận Tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, hệ chính quy
(Kỳ thi tháng 01/2015)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 14/2009/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường Cao đẳng”;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDĐT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1850/QĐ-LTT ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, kỳ thi tháng 01 năm 2015;

Căn cứ biên bản buổi họp ngày 06 tháng 02 năm 2015 của Hội đồng thi tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, kỳ thi tháng 01 năm 2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận Tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, hệ chính quy cho 42 học sinh (có danh sách kèm theo)

Điều 2. Học sinh đủ điều kiện Tốt nghiệp được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các học sinh có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *ds*

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



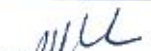
Phạm Hữu Lộc

**DANH SÁCH HỌC SINH CÁC KHÓA ĐỦ ĐIỀU KIỆN
CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP**
Kỳ thi tháng 01/2015

(Kèm theo Quyết định số 171 /QĐ-LTT-ĐT ngày 10 tháng 02 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM TBCHT TOÀN KHÓA			ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP				ĐIỂM XẾP LOẠI TN	XẾP LOẠI TN	GHI CHÚ (Số môn và số lần thi lại)	
					Năm 1	Năm 2	TBC	C.TRJ	LT	TH	TBC				
DIỆN CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG															
1	Lê Xuân Kỳ	11 TC-Đ 1	20/10/1992	Nghệ An	5.6	6.2	5.8	5.0	5.0	7.0	5.7	5.8	TB		
2	Trần Thanh Tâm	11 TC-Đ 1	28/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	5.9	6.6	6.2	5.0	5.0	8.0	6.0	6.1	TB	1 môn 1 lần ; 1 môn 2 lần	
3	Trần Thanh Thương	11 TC-Đ 1	03/6/1993	Quảng Ngãi	6.0	6.5	6.2	6.0	5.0	7.0	6.0	6.1	TB	1 môn 1 lần ; 1 môn 2 lần	
4	Lê Văn Hoàng	11 TC-Đ 2	10/9/1990	Bà Rịa-Vũng Tàu	5.9	6.4	6.1	5.5	5.0	5.0	5.2	5.7	TB		
5	Trương Văn Lợi	11 TC-Đ 2	22/6/1992	Bình Thuận	6.0	6.7	6.3	5.0	5.0	6.0	5.3	5.8	TB		
6	Lê Đình Phúc	11 TC-Đ 2	10/12/1993	Hà Tĩnh	6.1	6.2	6.1	6.0	5.0	7.0	6.0	6.1	TB	1 môn 1 lần ; 1 môn 2 lần	
7	Bùi Văn Lâm	11 TC-Đ 3	30/8/1993	Quảng Ngãi	5.9	6.6	6.2	6.0	5.0	7.0	6.0	6.1	TB	1 môn 1 lần ; 1 môn 2 lần	
8	Hồ Ngọc Tịnh	11 TC-Đ 3	01/5/1991	Quảng Trị	6.2	6.8	6.4	5.0	5.0	7.0	5.7	6.1	TB	1 môn 1 lần ; 1 môn 3 lần	
9	Đỗ Chí Công	12TC-Đ1	26/01/1992	Bình Thuận	6.0	6.4	6.2	6.0	5.0	5.0	5.3	5.8	TB		
10	Hồ Như Hậu	12TC-Đ1	11/8/1994	Tp. Hồ Chí Minh	6.5	7.4	6.9	6.0	5.0	9.0	6.7	6.8	TB KHÁ		
11	Trần Xuân Hiên	12TC-Đ1	05/5/1991	Thuận Hải	6.3	6.6	6.4	6.0	6.0	5.0	5.7	6.1	TB KHÁ		
12	Phạm Tứ Long Hồ	12TC-Đ1	02/5/1993	Tp. Hồ Chí Minh	5.9	6.7	6.2	5.0	5.0	7.0	5.7	6.0	TB KHÁ		
13	Lê Tiến Lợi	12TC-Đ1	28/10/1994	Bình Định	6.4	7.5	6.8	7.5	5.0	6.0	6.2	6.5	TB KHÁ		
14	Phạm Đình Luật	12TC-Đ1	22/9/1994	Hà Tĩnh	6.0	7.1	6.4	7.5	6.0	5.0	6.2	6.3	TB KHÁ		
15	Nguyễn Văn Na	12TC-Đ1	02/12/1993	Quảng Nam - Đà Nẵng	6.0	6.7	6.3	7.0	5.5	5.0	5.8	6.1	TB	3 môn 1 lần	
16	Võ Thành Nhơn	12TC-Đ1	28/9/1994	Quảng Ngãi	6.1	7.5	6.7	6.5	5.0	8.0	6.5	6.6	TB KHÁ		
17	Huỳnh Tấn Toàn	12TC-Đ1	08/8/1992	Gia Lai	6.0	7.2	6.5	6.0	5.0	7.0	6.0	6.3	TB KHÁ		
18	Đoàn Minh Tuấn	12TC-Đ1	02/8/1994	Quảng Tr	6.5	6.9	6.7	8.0	5.5	8.0	7.2	7.0	KHÁ		

TT	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM TBCHT TOÀN KHÓA			ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP				ĐIỂM XẾP LOẠI TN	XẾP LOẠI TN	GHI CHÚ (Số môn và số lần thi lại)
						Năm 1	Năm 2	TBC	C.TRỊ	LT	TH	TBC			
CNKT NHIỆT _ ĐIỆN LẠNH															
19	Nguyễn Bảo	An	11 TC-ĐL 1	22/8/1993	Bình Định	5.7	7.0	6.2	5.5	7.0	6.0	6.2	6.2	TB	1 môn 1 lần ; 1 môn 3 lần
20	Nguyễn Thanh	Trà	11 TC-ĐL 1	02/02/1993	Bình Định	5.7	6.9	6.2	7.0	7.5	6.0	6.8	6.5	TB	2 môn 1 lần ; 1 môn 3 lần
21	Tạ Công	Tuấn	11 TC-ĐL 2	01/3/1988	Bình Định	6.4	7.5	6.9	7.5	5.5	7.0	6.7	6.8	TB KHÁ	
22	Đỗ Văn	Đang	12TC-ĐL1	02/6/1994	Bình Định	5.9	7.2	6.5	7.5	5.5	9.0	7.3	6.9	TB KHÁ	
23	Phan Thanh	Huy	12TC-ĐL1	12/10/1992	Bình Thuận	6.2	6.9	6.5	6.5	7.5	8.5	7.5	7.0	TB	3 môn 1 lần
24	Trịnh Minh	Phong	12TC-ĐL1	09/6/1991	Tây Ninh	6.2	7.2	6.6	8.5	5.0	7.0	6.8	6.7	TB KHÁ	
25	Lầu Cún	Phúc	12TC-ĐL1	25/8/1994	Đồng Nai	6.0	6.3	6.1	7.0	7.0	8.5	7.5	6.8	TB	3 môn 1 lần
26	Trà Quý	Quốc	12TC-ĐL1	19/02/1994	Bến Tre	6.2	7.3	6.7	7.5	8.5	9.0	8.3	7.5	TB	3 môn 1 lần
27	Phạm Hải	Sơn	12TC-ĐL1	06/9/1993	Đồng Nai	6.4	7.4	6.8	8.5	8.5	9.0	8.7	7.8	TB	3 môn 1 lần
28	Trần Ngọc	Thành	12TC-ĐL1	07/4/1993	Bình Thuận	6.3	7.1	6.6	7.0	7.0	9.0	7.7	7.2	TB	3 môn 1 lần
29	Trương Thanh	Tuấn	12TC-ĐL1	24/01/1992	Long An	6.4	7.1	6.7	8.5	7.0	9.0	8.2	7.5	TB	3 môn 1 lần
CƠ KHÍ CHẾ TẠO _ PHAY															
30	Phan Văn	Vạn	12TC-CKP	28/7/1994	An Giang	6.5	7.8	7.1	7.0	7.5	7.5	7.3	7.2	KHÁ	
BẢO TRÌ VÀ SỬA CHỮA ÔTÔ															
31	Mai Tuấn	Khoa	11 TC-Ô 1	02/8/1992	Tp Hồ Chí Minh	5.9	6.5	6.1	6.0	7.0	5.0	6.0	6.1	TB	1 môn 1 lần ; 1 môn 2 lần
32	Mai Văn	Hải	12TC-Ô1	07/5/1994	Quảng Nam	6.2	7.1	6.5	6.5	7.0	6.0	6.5	6.5	TB KHÁ	
33	Nguyễn Văn	Khánh	12TC-Ô1	11/01/1994	Cần Thơ	6.0	6.8	6.3	6.5	5.0	5.0	5.5	5.9	TB	
34	Trần Anh	Kị	12TC-Ô1	26/12/1994	Quảng Ngãi	6.1	7.2	6.5	6.5	9.5	7.0	7.7	7.1	KHÁ	
35	Lê Ngọc	Sang	12TC-Ô1	16/02/1994	Bình Thuận	6.1	7.0	6.4	7.5	6.0	5.0	6.2	6.3	TB	3 môn 1 lần
36	Lê Đức	Toàn	12TC-Ô1	16/01/1991	Sông Bé	5.6	5.9	5.7	8.5	8.0	5.0	7.2	6.5	TB	3 môn 1 lần

TT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM TBCHT TOÀN KHÓA			ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP				ĐIỂM XẾP LOẠI TN	XẾP LOẠI TN	GHI CHÚ (Số môn và số lần thi lại)	
					Năm 1	Năm 2	TBC	C.TRJ	LT	TH	TBC				
CÔNG NGHỆ MAY VÀ THỜI TRANG															
37	Võ Văn Việt	11 TC-MT	25/5/1992	Tiền Giang	6.5	6.6	6.5	5.0	5.5	7.5	6.0	6.3	TB	1 môn 1 lần ; 1 môn 2 lần	
38	Trần Thị Linh	Quy	12 TC-MT	01/9/1992	Bình Định	6.4	7.0	6.7	6.5	5.0	7.0	6.2	6.5	TB KHÁ	
39	Cao Anh	Thư	12 TC-MT	20/4/1994	Bình Định	6.5	7.2	6.8	5.0	5.0	6.0	5.3	6.1	TB KHÁ	
40	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	12 TC-MT	16/6/1993	Quảng Ngãi	7.7	7.2	7.5	6.5	5.5	9.0	7.0	7.3	KHÁ	
41	Huỳnh Minh	Truyền	12 TC-MT	11/9/1994	Bình Định	7.2	6.8	7.0	6.0	7.0	8.0	7.0	7.0	KHÁ	
42	Nguyễn Thị Hồng	Vân	12 TC-MT	29/11/1992	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.6	6.2	6.4	8.0	5.5	6.5	6.7	6.6	TB KHÁ	

Tổng cộng danh sách có 42 học sinh.